

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84A/2020/HS-ST

Ngày 24 - 11 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Doanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Duy Tiến

2. Bà Phạm Hồng Thiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Thư ký TAND huyện Thái Thụy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 80/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Duy S**, sinh ngày 08/3/1962 tại xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn B, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Hưu trí; trình độ học vấn: Đại học; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1939 và bà Vũ Thị R (đã chết); vợ: Đoàn Thị G (đã chết); vợ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1968; con: Có 03 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Còn nhỏ sống cùng gia đình, được nuôi ăn học hết lớp 7/7. Từ năm 1978 - 1980, học công nhân kỹ thuật khảo sát tại huyện Q, tỉnh Hà Bắc. Từ năm 1980 - 2015, công tác và sinh sống tại phường M, quận H, thành phố Hải Phòng. Từ năm 2015 đến nay, nghỉ chế độ và sinh sống tại xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã D, huyện T,

tỉnh Thái Bình(có mặt)

* *Bị hại:* Ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1968

Nơi cư trú: Thôn B, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình (có mặt).

* *Người làm chứng:*

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975 (có mặt)
- Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1964 (vắng mặt)
- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965(vắng mặt)
- Ông Bùi Xuân L1, sinh năm 1941(có mặt)
- Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1943(vắng mặt)
- Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1962(có mặt)

Đều cư trú: Thôn B, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn L, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn trong việc tranh chấp ranh giới quyền S dụng đất nên chiều ngày 19/5/2020, Nguyễn Duy S thuê ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1964 đều trú cùng thôn đến xây tường bao giáp nhà ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1968, trú cùng thôn. Khoảng 15 giờ cùng ngày, vợ ông S1 là bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975, phát hiện việc S xây tường nên gọi ông S1 về. Khi về nhà, ông S1 yêu cầu S và thợ xây dừng lại nhưng S không đồng ý nên giữa hai bên có xảy ra cãi vã nhau. Ông S1 đứng ở ngõ, bên ngoài tường bao dùng tay gỡ 01 viên gạch vừa xây trên tường và cúi xuống đặt tại góc tường. Lúc này S nhặt 01 viên gạch màu đỏ, có 02 lỗ, dài 20cm, rộng 09cm, dày 5,5cm trên sân, đứng lên gờ gạch xây ở góc tường ném về phía ông S1 đang cúi đặt viên gạch, làm viên gạch trúng đầu ông Sang. Ông S1 bị thương rách da và tổ chức dưới da vùng đỉnh cằm phải được mọi người đưa đi bệnh viện đa khoa Phúc Sơn, có địa chỉ cùng xã để điều trị.

Ngày 29/5/2020, ông S1 có đơn đề nghị giám định thương tích gửi ban Công an xã D. Ngày 08/6/2020, Công an xã D chuyển hồ sơ, vật chứng vụ việc trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T để điều tra theo thẩm quyền.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 81/20/TgT ngày 16/6/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Thái Bình kết luận đối với thương tích của ông Nguyễn Văn S1 bị “*Thương tích vùng đầu do vật tày cứng có cạnh tác động làm rách da và*

tổ chức dưới da vùng đầu, đã được khâu phục hồi vết thương vùng đầu, dùng thuốc kháng sinh, giảm đau, giảm nề. Hiện tại: còn đau tê nửa đầu từng lúc. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 03% (Ba phần trăm)”

Bản cáo trạng số 87/CT-VKSTT ngày 26/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố bị cáo Nguyễn Duy S có lý lịch nêu trên về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và diễn biến sự việc như đã nêu trên.

Bị hại ông Nguyễn Văn S1 khai: Khoảng 15 giờ ngày 19/5/2020, ông đang làm xây dựng tại trục đường xã T, xã T thì vợ ông là bà Nguyễn Thị L có điện cho ông về vì bị cáo S đang cho người xây phần đất tranh chấp giữa hai bên. Ông về nhà và ra chỗ xây thấy bị cáo S và ông H thợ xây. Ông có nói với bị cáo S và ông H là sao các anh xây sang phần đất nhà ông, phần đất tranh chấp xã đã thông báo hai bên không được tự ý xây dựng nhưng bị cáo S vẫn bảo ông H xây tiếp. Ông S1 có dỡ viên gạch ông H vừa xây ra đặt xuống nền ngõ thì bị S cầm viên gạch ném vào đầu ông. Sau đó vì ra nhiều máu nên ông được đưa ra bệnh viện đa khoa P để điều trị. Đến ngày 29/5/2020, ông có đơn đề nghị giám định thương tích gửi ban Công an xã D. Ông không có ý kiến gì về các văn bản ghi nhận thương tích và kết luận giám định thương tích của mình. Ông yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho ông số tiền 12.442.000 đồng bao gồm: Chi phí thủ thuật 170.000 đồng; chi phí chụp cắt lớp 1.590.000 đồng; tiền thuốc 1.330.000 đồng; tiền khám chữa bệnh 72.000 đồng; tiền xe vận chuyển 300.000 đồng; thu nhập bị mất 20 ngày x 250.000 đồng = 5.000.000 đồng; thu nhập bị giảm sút 10 ngày x 100.000 đồng = 1.000.000 đồng; tiền tổn thất về tinh thần 02 tháng x 1.490.000 = 2.980.000 đồng. Ngoài ra, ông không yêu cầu thêm khoản tiền nào khác. Ngày 17/11/2020 ông đã nhận được 12.442.000 đồng bị cáo bồi thường và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm bất kì khoản tiền nào về trách nhiệm dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử: xử phạt bị cáo theo đúng quy định của pháp luật, không đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Những người làm chứng bà Nguyễn Thị L, ông Bùi Xuân L1, ông Nguyễn Văn K đều trình bày diễn biến sự việc xảy ra hôm 19/5/2020 đúng như nội dung bản cáo trạng, đúng như lời trình bày của bị cáo, bị hại và các tình tiết có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy S phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1; Điều 51, Điều 50; khoản 1 và 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2

Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy 01(một) viên gạch xây dựng làm từ đất nung, màu đỏ, có 02 lỗ, dài 20cm, rộng 09cm, dày 5,5cm.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 17/11/2020, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của người bị hại số tiền 12.442.132 đồng, người bị hại ông S1 không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết. Đối với số tiền bị cáo Nguyễn Duy S đã tự nguyện nộp 5.000.000 tại Biên lai số 0007069 ngày 28/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình cần trả lại bị cáo.

Bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Trong phần tranh luận bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận với nhau và với Kiểm sát viên. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái và rất ân hận, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có thể trở thành người công dân có ích với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Duy S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với các chứng cứ sau: Đơn trình báo, lời khai của người bị hại ông Nguyễn Văn S1 (BL 01; 17; 66 - 75); Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường (BL 53 - 56); Biên bản xác minh tại Bệnh viện đa khoa P ngày 08/6/2020; Các giấy tờ điều trị thương tích ông Nguyễn Văn S1 (*Bút lục số 63; 78 - 86*); Biên bản quản lý đồ vật, tài liệu (*Bút lục số 62*); Biên bản xem xét các dấu vết trên vật chứng (*Bút lục số 64 - 65*); Biên bản đối chất; Biên bản thực nghiệm điều tra vụ án (*Bút lục 57 - 58; 59 - 60*); Biên bản ghi lời khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975; bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1964; ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965; ông Bùi Xuân L1, sinh năm 1941; bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1943; ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1962; bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1975 (*Bút lục số: 88 - 119*) và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ.

[3] Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Chiều ngày 19/5/2020, Nguyễn Duy S, cầm 01(một) màu đỏ, có 02 lỗ, dài 20cm, rộng 09cm, dày 5,5cm, ném gây thương tích cho ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1968, trú

cùng thôn làm ông S1 bị thương phải điều trị tại Bệnh viện đa khoa Phúc Sơn. Sức khỏe ông S1 bị giảm do thương tích gây nên hiện tại là 03% (*Ba phần trăm*). Hành vi của bị cáo Nguyễn Duy S đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 134. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

b) Dùng a-xít nguy hiểm hoặc hóa chất nguy hiểm;

c) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ;

d) Đối với ông, bà, cha, mẹ, thầy giáo, cô giáo của mình, người nuôi dưỡng, chữa bệnh cho mình;

đ) Có tổ chức;

e) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

g) Trong thời gian đang bị giữ, tạm giữ, tạm giam, đang chấp hành án phạt tù, đang chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng hoặc đang chấp hành biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng hoặc đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

h) Thuê gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do được thuê;

i) Có tính chất côn đồ;

k) Đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 11% đến 30%;

c) Phạm tội 02 lần trở lên;

d) Tái phạm nguy hiểm;

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này;

d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 14 năm:

a) Làm chết người;

b) Gây thương tích làm biến dạng vùng mặt của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên;

d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này;

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

5. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Làm chết 02 người trở lên;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

6. Người nào chuẩn bị vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm, a-xít nguy hiểm, hóa chất nguy hiểm hoặc thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm nhằm gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.”

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh xã hội ở địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội do mình gây ra nhưng vẫn dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích 3% với lỗi cố ý trực tiếp nhằm gây thương tích cho ông Nguyễn Văn S1.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, tự nguyện bồi thường cho bị hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về xử lý vật chứng: Tang vật của vụ án là 01(một) viên gạch xây dựng làm từ đất nung, màu đỏ, có 02 lỗ, dài 20cm, rộng 09cm, dày 5,5cm bị cáo dùng để ném vào đầu ông Nguyễn Văn S1. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu, tiêu hủy 01(một) viên gạch xây dựng làm từ đất nung, màu đỏ, có 02 lỗ, dài 20cm, rộng 09cm, dày 5,5cm có đặc điểm ghi trong biên bản giao nhận vật chứng, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy ngày 26/10/2020 là có căn cứ.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn S1 yêu cầu bị cáo bồi thường cho ông tổng số tiền là 12.442.000 đồng bao gồm: Chi phí thủ thuật 170.000 đồng; chi phí chụp cắt lớp 1.590.000 đồng; tiền thuốc 1.330.000 đồng; tiền khám chữa bệnh 72.000 đồng; tiền xe vận chuyển 300.000 đồng; thu nhập bị mất 20 ngày x 250.000 đồng = 5.000.000 đồng; thu nhập bị giảm sút là 10 ngày x 100.000 đồng = 1.000.000 đồng; tiền tổn thất về tinh thần 02 tháng x 1.490.000 = 2.980.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Duy S đã tự nguyện nộp số tiền 5.000.000 đồng tại Biên lai số 0007069 ngày 28/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình để bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại là ông Nguyễn Văn S1. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại ông S1 yêu cầu với số tiền 12.442.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay bị hại cũng nhất trí nhận số tiền trên và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm bất kì một khoản chi phí nào khác. Xét thấy sự thỏa thuận của các bên là tự nguyện, không trái đạo đức và quy định của pháp luật, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận, không đặt ra giải quyết về trách nhiệm dân sự. Đối với số tiền bị cáo Nguyễn Duy S đã tự nguyện nộp số tiền 5.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy cần trả lại bị cáo.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự; bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Duy S phạm tội “Cố ý gây thương tích”

2. Hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1; Điều 51, Điều 50; khoản 1 và 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy S 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/11/2020).

Giao bị cáo Nguyễn Duy S cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo vắng mặt hoặc thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy 01(một) viên gạch xây dựng làm từ đất nung, màu đỏ, có 02 lỗ, dài 20cm, rộng 09cm, dày 5,5cm.

(Vật chứng nêu trên đã chuyển Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thái Thụy,

tỉnh Thái Bình theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26/10/2020).

4. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận việc bị hại ông Nguyễn Văn S1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm bất cứ khoản tiền nào khác ngoài số tiền 12.442.000 đồng (*Mười hai triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn đồng*) bị cáo đã bồi thường cho ông Nguyễn Văn S1. Trả lại bị cáo Nguyễn Duy S số tiền 5.000.000 đồng bị cáo đã nộp theo Biên lai số 0007069 ngày 28/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Duy S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 24/11/2020./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Thái Thụy; VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra, Cơ quan thi hành án hình sự - Công an huyện T;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- UBND xã D, huyện Thái Thụy;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Quốc Doanh

